TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2020
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Nguyễn Văn Khóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 147/2020/HNGĐ – TLST ngày 18/6/2020 về việc " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* ".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2020/QĐ-ST ngày 16/9/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T, sinh ngày 31/03/1989.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã S, huyện M, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Bị đơn: chị Phạm Ngọc A, sinh ngày 05/3/1993.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Tr, xã S, huyện M, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Hiện đang lao động: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bầy: Anh và chị A được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện M ngày 24 tháng 12 năm 2012. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuối năm 2013 anh sang Đài Loan lao động, đến cuối năm 2015 chị A cũng sang Đài Loan lao động, tuy nhiên vợ chồng không ở cùng nhau, mỗi người ở một

nơi. Do anh trốn ra ngoài lao động nên bị bắt về nước sớm. Đến năm 2019 chị A hết hợp đồng lao động và về Việt Nam, anh đã động viên để chị A ở nhà vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị A không đồng ý. Tháng 6/2019 chị A lại tiếp tục sang Đài Loan lao động lần 2, từ đó anh và chị A không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị A theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị A có 01 con chung là Vũ Ngọc D, sinh ngày 28/3/2014, hiện cháu đang ở với anh. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị A tại Đài Loan, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã ủy thác để Tòa án nhân dân huyện T xác minh tại gia đình chị A, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị A. Ông Phạm Văn Đ là bố đẻ chị A xác định, chị A hiện lao động tại Đài Loan, ông không biết địa chỉ của chị A nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên chị A thường xuyên liên lạc về gia đình. Theo ông Đ cung cấp, vợ chồng anh T chị A mâu thuẫn là do vợ chồng sống cùng bố mẹ chồng, thường xảy ra mâu thuẫn, chị A muốn đi nước ngoài kiếm tiền để ra ngoài ở riêng nhưng không được anh T ủng hộ, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ở Việt Nam anh T không có trách nhiệm với gia đình, có quan hệ bất chính với người khác. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị A biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Đ xác định đã thông tin cho chị A biết. Chị A có quan điểm đồng ý ly hôn, đề nghị giải quyết vắng mặt. Về con chung đồng ý để anh T nuôi con, sau này khi về Việt Nam chị A sẽ đề nghị thay đổi nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ của chị A tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị A cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vũ Văn T và chị Phạm Ngọc A tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện ngày 24 tháng 12 năm 2012, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian. Sau đó anh chị đều sang Đài Loan lao động, nhưng không ở cùng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Khi hết hạn lao động, anh T đã khuyên chị A ở lại Việt Nam để cùng làm việc, vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tuy nhiên chị A không đồng ý và tiếp tục sang Đài Loan lao động, dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Từ khi chị A sang Đài Loan lao động, hai bên không liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Thông qua gia đình, chị A có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, thực tế cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không tìm thấy tiếng nói chung, nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

- *Về con chung:* Anh Vũ Văn T và chị Phạm Ngọc A có một con chung là Vũ Ngọc D, sinh ngày 28/3/2014, hiện cháu D đang ở với anh T. Ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con, chị A cũng nhất trí để anh T nuôi cháu D. Xét thực tế chị A đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3].Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Phạm Ngọc A.

2.Về con chung: Giao con chung cháu Vũ Ngọc D, sinh ngày 28/3/2014 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0002755 ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Phạm Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nơi nhận:
- *VKS tỉnh Hải Dương*
- *Các đương sự.*
- *Cục thi hành dân sự.*
- *UBND xã S.*
- *UBND xã T*
- *Lưu.*